

Ngày 25-5-2023
V/v Yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1974, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*** Bị đơn:** Ông Dương Văn L, sinh năm 1976, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2022, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông Dương Văn L chung sống như vợ chồng vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, giấy đăng ký kết hôn số 10 ngày 20/02/2006 do ủy ban nhân dân xã P cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp P, xã P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trong cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống về kinh tế, tài chính, không ai quan tâm đến nhau, mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể sống chung nên vợ chồng đã sống ly thân.

Về con chung có 02 người tên Dương Túy M, sinh ngày 06/7/2000 và Dương Duy B, sinh ngày 17/4/2006 tình trạng sức khỏe bình thường, cháu M đã thành niên, cháu B hiện đang sống cùng bà T.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Nay, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn L; Về con yêu cầu được trực tiếp nuôi con chưa thành niên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

Bị đơn ông Dương Văn L vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý vụ án không triệu tập được ông L nên không thu thập được lời khai để biết được ý kiến của ông L đối với yêu cầu của bà T

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Đối với bị đơn không chấp hành, không tham gia phiên hòa giải và xét xử.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ thu thập được và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến của Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

[1]Về tố tụng: Bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông Dương Văn L có đăng ký thường trú tại xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông L được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2]Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T với ông L là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian sống chung giữa bà T với ông L xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, theo bà T là do vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm đến nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, vợ chồng có hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Từ ngày thụ lý yêu cầu của bà T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông L không đến Tòa án, không cung cấp bản khai, không có ý kiến để xác định lời trình bày của bà T về tình trạng hôn nhân có đúng hay không. Hiện ông L có đăng ký thường trú và đang sống ở địa phương, nhưng không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng phải qua niêm yết, ông L không hợp tác đến tòa, điều này cho thấy ông L không còn tha thiết gì về quan hệ vợ chồng, không đến Tòa án để tham gia hòa giải hàn gắn. Như vậy, lời trình bày của bà T về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, theo quy định tại

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Thanh T.

[3]*Về nuôi con chung*: Bà T với ông L có hai người con chung cháu Dương Túy M, sinh ngày 06/7/2000 đã thành niên; Cháu Dương Duy B, sinh ngày 17/4/2006 hiện đang sống cùng bà T, từ ngày sống ly thân bà T nuôi con chung, bà T có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, nên chấp nhận yêu cầu của bà T giao con chung chưa thành niên cho bà T nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[4]*Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]*Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[6]*Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh T, bà T được ly hôn với ông Dương Văn L.

2/- *Về con chung*: Bà Phạm Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Duy B, sinh ngày 17/4/2006, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà T, ông L đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì L ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

3/- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4/- *Về án phí*: Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010087 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ; ông Dương Văn L không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- CCTHADS;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến